

CÔNG TY CỔ PHẦN FAI GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FAI GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FAI GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FAI GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109910462

3. Ngày thành lập: 22/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

BT14/16B1 Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911.021155

Fax:

Email: faigroup555@gmail.com

Website: faigroup.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
12.	Trồng lúa	0111
13.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
14.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

15.	Trồng cây mía	0114
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
17.	Trồng cây hàng năm khác	0119
18.	Trồng cây ăn quả	0121
19.	Trồng cây chè	0127
20.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
21.	Trồng cây lâu năm khác	0129
22.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
23.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
24.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
25.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
26.	Chăn nuôi gia cầm	0146
27.	Chăn nuôi khác	0149
28.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150(Chính)
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
31.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33.	Khai thác gỗ	0220
34.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
35.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
36.	Dịch vụ đóng gói	8292
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
38.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
39.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
40.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
41.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020
43.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;	7110

44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
45.	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);	7310
46.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
47.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
48.	Cho thuê xe có động cơ	7710
49.	Bán buôn tổng hợp	4690
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
54.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
55.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
56.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
57.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
58.	Sản xuất chè	1076
59.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
60.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
61.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
62.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
63.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
64.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
67.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
68.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
69.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
70.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
71.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
72.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ các mặt hàng cấm)	4791
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

77.	Bốc xếp hàng hóa	5224
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
79.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
80.	Cơ sở lưu trú khác	5590
81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
82.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
83.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
84.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
85.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
86.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
87.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
88.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
89.	Đại lý du lịch	7911
90.	Điều hành tua du lịch	7912
91.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
92.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
93.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
94.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
95.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
96.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
97.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
98.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
99.	Xây dựng nhà để ở	4101
100.	Xây dựng nhà không để ở	4102
101.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
102.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
103.	Xây dựng công trình điện	4221
104.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
105.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
106.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
107.	Xây dựng công trình thủy	4291
108.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
109.	Phá dỡ	4311
110.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
111.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
112.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 22/02/2022 đến ngày 24/03/2022

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRƯƠNG THỊ THU THÚY	CH 4 Tập thể Báo Việt Nam, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.050.000	10.500.000.000	21,000	001179033002	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.050.000	10.500.000.000	21,000		
2	MẠC TUẤN TÙNG	Tân Xuân 3, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	1,000	019079000159	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	1,000		

3	NGUYỄN MẠNH TOÀN	18 Tuệ Tĩnh, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	5,000	0310840079 09
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	5,000	
4	ĐỖ ĐỨC TÙNG	28A8 TT Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.500.0 00	35.000.000.000	70,000	0010750223 25
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.500.0 00	35.000.000.000	70,000	
5	ĐÀO HẢI LONG	34/45 Phan Đình Phùng, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	3,000	0010810327 83
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	3,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 17/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031084007909

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *18 Tuệ Tĩnh, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *18 Tuệ Tĩnh, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội